

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 245/2019/DS-PT

Ngày: 05 - 9 - 2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay  
tài sản”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**.

*Các Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Thanh Triều**.

Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Lê Thị Liên** - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Ông **Trần Minh Hoàng** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Trong các ngày 30 tháng 8 và 05 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 62/2019/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 240/2019/QĐPT-DS ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Cao Thị M**, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp HP, xã HMBA, huyện CB, tỉnh Tiền Giang

2. **Bị đơn:** Bà **Lê Thị Th**, sinh năm: 1976 (có mặt).

Ông **Trần Văn L (tên gọi khác L)**, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp HP, xã HMBA, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị Th: Luật sư **Lê Hoàng A**, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố ML, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang

Người kháng cáo: Bị đơn **Lê Thị Th**.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Cao Thị M trình bày:*

Do quen biết, bà có cho vợ chồng ông Trần Văn L và bà Lê Thị Th vay vốn nhiều lần để làm ăn, cụ thể như sau:

- Ngày 16/10/2016, cho vay 90.000.000 đồng.
- Ngày 06/11/2016, cho vay 100.000.000 đồng.
- Ngày 06/6/2017, cho vay 50.000.000 đồng.
- Ngày 30/12/2017, cho vay 40.000.000 đồng.
- Ngày 26/01/2018, cho vay 100.000.000 đồng.
- Ngày 12/02/2018, cho vay 500.000.000 đồng.

Tổng cộng 6 lần cho vay 880.000.000 đồng. Giao dịch có làm biên nhận nợ. Hai bên thoả thuận lãi suất 1%/tháng, trả lãi hàng tháng. Thời hạn vay, khi nào bà M cần vốn đòi lại thì ông L và bà Th trả.

Ông L, bà Th đã trả lãi của số tiền vốn 380.000.000 đồng đến tháng 01/2018 thì ngưng cho đến nay.

Nay bà yêu cầu ông L và bà Th trả 880.000.000 đồng tiền vốn, tính lãi theo quy định pháp luật. Thời gian tính lãi đối với số tiền 380.000.000 đồng từ ngày 01/02/2018, đối với số tiền 500.000.000 đồng từ ngày vay 12/02/2018 cho đến nay. Yêu cầu trả vốn và lãi một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, khi khởi kiện bà có yêu cầu Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong toả tài sản là thửa đất số 173, tờ bản đồ số 18, diện tích 6241,7m<sup>2</sup>, tại xã HMB A, huyện CB, của ông L và bà Th để đảm bảo việc trả nợ cho bà. Trước đây, bà cho ông L và bà Th vay 5 lần với tổng số tiền là 380.000.000 đồng. Đến tháng 02/2018, bà Th, ông L hỏi vay tiếp 500.000.000 đồng để giải chấp Ngân hàng lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra bán trả nợ cho bà. Khi giải chấp lấy Giấy chứng nhận ra không bán đất được. Đến ngày 06/4/2018, bà với ông L và bà Th có thoả thuận giao thửa đất 2962, diện tích 160m<sup>2</sup> tại Đồng Tháp trị giá 600.000.000 đồng để trừ nợ. Hai bên thoả thuận lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp Ngân hàng ra và hoàn tất thủ tục sang tên trong thời hạn 3 tháng nhưng ông L và bà Th không thực hiện. Đến tháng 01/2019, bà M phát hiện ông L và bà Th bán thửa đất đã được giải chấp Ngân hàng bằng tiền của bà nhưng không trả nợ cho bà. Do đó, bà khởi kiện đòi nợ và yêu cầu Toà án phong toả thửa đất. Nay bà không đồng ý nhận thửa đất tại Đồng Tháp để khấu trừ 600.000.000 đồng vốn vay và không đồng ý giải toả thửa đất đang kê biên. Đồng thời bà giữ nguyên nội dung kiện do từ trước đến nay bà không bán nợ cho ai. Từ khi vay

lần cuối là 500.000.000 đồng vào ngày 12/02/2018 đến nay, ông L và bà Th không trả cho bà được khoản tiền vốn nào.

*Bị đơn ông Trần Văn L và bà Lê Thị Th thống nhất trình bày:*

Ông bà xác định có vay của bà M 880.000.000 đồng vốn với lãi suất từ 6% đến 8% tháng và có đóng lãi đến tháng 3/2018 thì ngưng. Đồng thời ngày 06/4/2018, ông bà có thoả thuận giao cho bà M thừa đất số 2962, tờ bản đồ số 01, diện tích 160m<sup>2</sup> tại xã ĐBK, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp, trị giá 600.000.000 đồng, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/01027 cho ông Trần Văn L, để trừ nợ nên còn nợ bà M 280.000.000 đồng vốn vay. Ông bà có yêu cầu giải toả kê biên thừa đất số 173, tờ bản đồ số 18, diện tích 6241,7m<sup>2</sup> tại xã HMB A, huyện CB. Đồng thời ông bà cũng xác định còn nợ bà M 880.000.000 đồng vốn vay.

Ngày 23/02/2019, bà Th có đơn phản tố với nội dung yêu cầu nguyên đơn thực hiện thoả thuận ngày 06/4/2018 là nhận thừa đất số 2962, diện tích 160m<sup>2</sup> tại Đồng Tháp để khấu trừ 600.000.000 đồng vốn vay. Bà yêu cầu Toà án huỷ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong toả thừa đất số 173, tờ bản đồ số 18, diện tích 6241,7m<sup>2</sup>, tại xã HMB A, huyện CB, xác minh thu thập chứng cứ tại Công an huyện CB và Công ty TT có địa chỉ tại thành phố Hồ Chí Minh về việc gia đình bà bị hành hung và đập phá tài sản, bà M đã bán nợ cho Công ty TT.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 62/2019/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Khoản 3, Điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39; Khoản 1, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị M.

- Buộc ông Trần Văn L và bà Lê Thị Th liên đới trả cho bà M 880.000.000 đồng vốn vay và 217.922.000 đồng lãi phát sinh. Tổng cộng là 1.097.922.000 đồng (Một tỉ không trăm chín mươi bảy triệu chín trăm hai mươi hai ngàn đồng chẵn). Thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/5/2019, bị đơn Lê Thị Th có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án tỉnh Tiền Giang xem xét, giải quyết huỷ bản án sơ thẩm số 62/2019/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè; Huỷ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/4/2013 cho ông Trần Văn L và bà Lê Thị Th.

Tại phiên tòa, các đương sự thoả thuận được với nhau về việc trả tiền vay và tính lại lãi nhưng không thống nhất về số tiền lãi đã trả. Bà Th yêu cầu thay đổi quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhưng bà M không đồng ý.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu: Về số tiền vay phải trả, hai bên thống nhất nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè: Phần đất thửa đất số 173, tờ bản đồ số 18, diện tích 6241,7m<sup>2</sup> tại xã HMB A, huyện CB, tỉnh Tiền Giang được vợ chồng bà Th, ông L chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị B theo hợp đồng ngày 21/12/2018, trước thời điểm bà M khởi kiện tại Tòa án. Giao dịch được công chứng tại Văn phòng Công chứng huyện CL. Bà B đã đi đăng ký kê khai tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CB, đã thực hiện nghĩa vụ tài chính tại Chi cục thuế huyện CB ngày 10/01/2019. Tài sản này có giá trị thực tế cao hơn nghĩa vụ bà Th, ông L phải trả cho bà M. Ngoài tài sản trên, ông L, bà Th còn tài sản khác là phần đất thửa 2962, diện tích 160m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn, tọa lạc xã ĐBK, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp. Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa phần đất thửa đất số 173, tờ bản đồ số 18, diện tích 6241,7m<sup>2</sup>, có địa chỉ tại xã HMB A, huyện CB làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị B. Do đó, đề nghị thay đổi tài sản phong tỏa là phần đất thửa 2962, diện tích 160m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn, tọa lạc xã ĐBK, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc trả tiền vay nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè. Tại phiên tòa, bị đơn đã cung cấp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 2962, diện tích 160m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn, tọa lạc xã ĐBK, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp. Phần đất này trước đây hai bên đã thỏa thuận cầm trả nợ. Hiện tại, đất không bị thế chấp vay vốn tại Ngân hàng nên cần thay đổi tài sản phong tỏa nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà B.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do bà Lê Thị Th nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" là chính xác theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tòa án nhân dân huyện Cái Bè ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 11/01/2019, phong tỏa tài sản là phần đất thửa số 173, tờ bản đồ số 18, diện tích 6241,7m<sup>2</sup>, tại xã HMB A, huyện CB. Phần đất đã được chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị B nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà tham gia tố tụng làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà B có mặt và đồng ý tham gia tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm. Do đó, việc đưa bà B tham gia tố tụng ở cấp phúc thẩm là phù hợp với hướng dẫn tại Giải đáp nghiệp vụ năm 2013 của Tòa án nhân dân tối cao (câu hỏi số 54).

[3] Về nội dung kháng cáo của bà Lê Thị Th: Bà Lê Thị Th kháng cáo với nội dung: Bà Th cho rằng cấp sơ thẩm chưa làm rõ có hay không việc chuyển giao nghĩa vụ theo quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự giữa Công ty TNHH mua bán nợ TT với bà M và vợ chồng ông L, bà Th. Xét thấy, do nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận không có thỏa thuận về việc chuyển giao nghĩa vụ theo quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự giữa Công ty TNHH mua bán nợ TT với bà M và vợ chồng ông L, bà Th nên không cần đưa công ty này tham gia tố tụng vì việc chuyển giao nghĩa vụ phải có sự thống nhất giữa các bên.

Tại phiên tòa, bà M và bà Th thống nhất: Ông L, bà Th có nghĩa vụ trả tiền vốn là 880.000.000 đồng. Về tiền lãi, bà M và bà Th thống nhất tính lại lãi từ khi vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm (tháng 5/2019) với mức lãi suất 1%/tháng. Xét mức lãi suất trên phù hợp với quy định đối với cả giao dịch thực hiện trước ngày 01/01/2017 và sau ngày 01/01/2017 (ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực) nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù ông Trần Văn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng thỏa thuận trên của bà Th và bà M phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận.

Cụ thể:

Số tiền vay ngày 16/10/2016 tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 31 tháng nên số tiền lãi là:  $[(90.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng})] \times 31 \text{ tháng} = 27.900.000 \text{ đồng}$ .

Số tiền vay ngày 06/11/2016 tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 30 tháng nên số tiền lãi là:  $[(100.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng})] \times 30 \text{ tháng} = 30.000.000 \text{ đồng}$ .

Số tiền vay ngày 06/6/2017 tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 23 tháng nên số tiền lãi là:  $[(50.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng})] \times 23 \text{ tháng} = 11.500.000 \text{ đồng}$ .

Số tiền vay ngày 30/12/2017 tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 17 tháng nên số tiền lãi là:  $[(40.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng})] \times 17 \text{ tháng} = 6.800.000 \text{ đồng}$ .

Số tiền vay ngày 26/01/2018 tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 16 tháng nên số tiền lãi là:  $[(100.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng})] \times 16 \text{ tháng} = 16.000.000 \text{ đồng}$ .

Số tiền vay ngày 12/02/2018 tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 15 tháng nên số tiền lãi là:  $[(500.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/tháng)] \times 15 \text{ tháng} = 75.000.000 \text{ đồng}$ .

Như vậy, tiền lãi của số tiền 880.000.000 đồng với mức lãi suất 1%/tháng tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là: 167.200.000 đồng. Tổng số tiền vốn và lãi theo mức lãi trên tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là: 167.200.000 đồng + 880.000.000 đồng = 1.047.200.000 đồng.

Tại phiên tòa, hai bên thống nhất tính lại lãi nhưng không thống nhất về mức lãi suất đã trả. Bà Th cho rằng đã trả lãi đủ với mức lãi suất 6%/tháng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó cần chấp nhận lời trình bày của bà M về việc nhận lãi từ khi vay đến tháng 02/2018 với mức lãi suất là 3%/tháng. Cụ thể, số tiền lãi bà M đã nhận như sau:

Số tiền vay ngày 16/10/2016: Thời gian đã trả lãi là 16 tháng nên số tiền lãi là:  $[(90.000.000 \text{ đồng} \times 3\%/tháng)] \times 16 \text{ tháng} = 43.200.000 \text{ đồng}$ .

Số tiền vay ngày 06/11/2016: Thời gian đã trả lãi là 15 tháng nên số tiền lãi là:  $[(100.000.000 \text{ đồng} \times 3\%/tháng)] \times 15 \text{ tháng} = 45.000.000 \text{ đồng}$ .

Số tiền vay ngày 06/6/2017 thời gian đã trả lãi là 8 tháng nên số tiền lãi là:  $[(50.000.000 \text{ đồng} \times 3\%/tháng)] \times 8 \text{ tháng} = 12.000.000 \text{ đồng}$ .

Số tiền vay ngày 30/12/2017 thời gian đã trả lãi là 2 tháng nên số tiền lãi là:  $[(40.000.000 \text{ đồng} \times 3\%/tháng)] \times 2 \text{ tháng} = 2.400.000 \text{ đồng}$ .

Số tiền vay ngày 26/01/2018 thời gian đã trả lãi là 01 tháng nên số tiền lãi là:  $[(100.000.000 \text{ đồng} \times 3\%/tháng)] \times 01 \text{ tháng} = 3.000.000 \text{ đồng}$ .

Như vậy, tổng số lãi bà M đã nhận lại là: 105.600.000 đồng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 468: “Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”. Tại phiên tòa, các bên thống nhất tính lại lãi nên số tiền lãi bà M đã nhận cần trừ vào tổng số vốn và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng mà ông L, bà Th có nghĩa vụ trả cho bà M tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Cụ thể:

$1.047.200.000 \text{ đồng} - 105.600.000 \text{ đồng} = 941.600.000 \text{ đồng}$ .

Do đó, số tiền bà Th, ông L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M là: 941.600.000 đồng (chín trăm bốn mươi một triệu sáu trăm ngàn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè. Nhận thấy, phần đất thửa đất số 173, tờ bản đồ số 18, diện tích 6241,7m<sup>2</sup>, có địa chỉ tại xã HMB A, huyện CB, tỉnh Tiền Giang được vợ chồng bà Th, ông L chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị B theo hợp đồng ngày 21/12/2018, trước thời điểm bà M khởi kiện tại Tòa án. Giao dịch được công chứng tại Văn phòng Công chứng huyện CL. Bà B đã đi đăng ký kê khai tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CB, đã thực hiện nghĩa vụ tài chính (đóng thuế trước bạ) tại Chi cục thuế

huyện CB ngày 10/01/2019 (bút lục 170). Ngoài tài sản trên, ông L, bà Th còn tài sản khác là phần đất thửa 2962, diện tích 160m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn, tọa lạc xã ĐBK, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa phần đất thửa đất số 173, tờ bản đồ số 18, diện tích 6241,7m<sup>2</sup>, có địa chỉ tại xã HMB A, huyện CB làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị B. Tại phiên tòa, bà Th xác định, phần đất thửa 2962, diện tích 160m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn, tọa lạc xã ĐBK, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp là tài sản chung của vợ chồng, đã được vợ chồng bà thỏa thuận chuyển nhượng cho bà B để trừ nợ vào ngày 06/4/2018 nhưng chưa thực hiện vì quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng. Tại phiên tòa, bà Th cung cấp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/01027 cấp ngày 02/4/2008 cho ông Trần Văn L đối với phần đất thửa 2962 nói trên và có nội dung đã xóa đăng ký thế chấp vào ngày 14/8/2019. Bà Th đồng ý phong tỏa tài sản này thay cho phần đất thửa đất số 173, tờ bản đồ số 18, diện tích 6241,7m<sup>2</sup> tại xã HMB A, huyện CB, Tiền Giang. Xét thấy, để đảm bảo thi hành án và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà B nên cần thay đổi quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè như ý kiến của bà Th và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà mới phù hợp.

Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Th, sửa án sơ thẩm như đã nhận định trên.

Từ phân tích trên, nhận thấy ý kiến của luật sư và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có căn cứ, đúng luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên căn cứ Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, bà Th không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 148, Điều 293, Khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử:

1. Sửa bản án sơ thẩm số 62/2019/DS-ST ngày 03/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Lê Thị Th và ông Trần Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Cao Thị M số tiền 941.600.000 đồng (chín trăm bốn mươi một triệu sáu trăm ngàn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Bà Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông L, bà Th phải chịu 40.248.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 10236 ngày 13/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên ông, bà phải nộp tiếp 39.948.000 đồng. Hoàn lại tạm ứng án phí cho bà M là 19.200.000 đồng theo biên lai số 09750 ngày 11/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 8 giờ 30 ngày 05/9/2019, có mặt bà M, bà Th, bà B, vắng mặt ông L, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP. HCM
- VKSND Tỉnh TG.
- TAND huyện Cái Bè
- Chi cục THA DS huyện Cái Bè.
- Đương sự.
- Phòng KTNV & THA (TAT)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Ánh Phương**